**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11 - HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC 2021 - 2022**

**PHẦN MỘT: ĐỌC - HIỂU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Phong cách ngôn ngữ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Phong cách ngôn ngữ** | **Đặc điểm nhận diện** | | 1 | Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt | Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt…trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân | | 2 | Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật | Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện… | | 3 | Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn) | Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự. | | 4 | Phong cách ngôn ngữ chính luận | Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng chính trị mình về những vấn đề thời sự của xã hội |  1. **Phương thức biểu đạt**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương thức** | **Đặc điểm nhận diện** | **Thể loại** | | **Tự sự** | Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết quả (diễn biến sự việc). | - Bản tin báo chí  - Bản tường thuật, tường trình  - Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết) | | **Miêu tả** | Tái hiện các đặc điểm, tính chất sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hình dung được chúng. | - Văn tả cảnh, tả người, vật...  - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự. | | **Biểu cảm** | Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người trước những vấn đề tự nhiên, xã hội, sự vật... | - Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn  - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút. | | **Thuyết minh** | Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để người đọc có tri thức và có thái độ đúng đắn với chúng. | - Thuyết minh sản phẩm  - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật  - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học. | | **Nghị luận** | Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận; trình bày tư tưởng, chủ trương quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục. | - Cáo, hịch, chiếu, biểu.  - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi.  - Sách lí luận.  - Tranh luận về một vấn đề trính trị, xã hội, văn hóa. | | **Hành chính – công vụ** | - Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lí các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí. | - Đơn từ  - Báo cáo  - Đề nghị |  1. **Thao tác lập luận**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Thao tác lập luận** | **Đặc điểm nhận diện** | | 1 | Giải thích | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. | | 2 | Chứng minh | Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ, một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.) | | 3 | Phân tích | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng. Phân tích phải đi cùng tổng hợp, khái quát. | | 4 | So sánh | So sánh là đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau, khác nhau. Từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.  Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản. |  1. **Biện pháp tu từ**  |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** | **Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)** | | So sánh | Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc | | Ẩn dụ | Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. | | Nhân hóa | Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn, gần với con người | | Hoán dụ | Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc | | Điệp từ/ngữ/cấu trúc | Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ. | | Nói giảm | Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng | | Thậm xưng | Tô đậm, phóng đại về đối tượng | | Câu hỏi tu từ | Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…) | | Đảo ngữ | Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên | | Đối | Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa | | Im lặng | Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc | | Liệt kê | Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt |  1. **Phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)**  |  |  | | --- | --- | | **Các phép liên kết** | **Đặc điểm nhận diện** | | Phép lặp từ ngữ | Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước | | Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa) | Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước | | Phép thế | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước | | Phép nối | Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết)với câu trước |  1. **Phân biệt các thể thơ**   Để phân biệt được các thể thơ, xác định được đúng thể loại khi làm bài kiểm tra, chúng ta cần hiểu luật thơ: những quy tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…  Căn cứ vào luật thơ, người ta phân chia các thể thơ Việt Nam ra thành 3 nhóm chính:  + Các thể thơ dân tộc: lục bát, song thất lục bát, hát nói;  + các thể thơ Đường luật:  ngũ ngôn, thất ngôn;  + Các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi.   1. **Xác định nội dung, chi tiết chính có liên quan đến văn bản**   - Đặt nhan đề, xác định câu chủ đề: Văn bản thường là một chỉnh thể thống nhất về nội dung, hài hòa về hình thức. Khi hiểu rõ được văn bản, học sinh dễ dàng tìm được nhan đề cũng như nội dung chính của văn bản.  - Đặt nhan đề cho văn bản chẳng khác nào người cha khai sinh ra đứa con tinh thần của mình. Đặt nhan đề sao cho đúng, cho hay không phải là dễ. Vì nhan đề phải khái quát được cao nhất nội dung tư tưởng của văn bản, phải cô đọng được cái thần, cái hồn của văn bản.  - Học sinh chỉ có thể đặt tên được nhan đề cho văn bản khi hiểu được nghĩa của nó.  Vì thế, học sinh đọc văn bản để hiểu ý nghĩa của văn bản sau đó mới xác định nhan đề. Nhan đề của văn bản thường nằm ở những từ ngữ, những câu lặp đi, lặp lại nhiều lần trong văn bản.  - Muốn xác định được câu chủ đề của đoạn, chúng ta cần xác định xem đoạn văn đó trình bày theo cách nào. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách diễn dịch thì câu chủ đề thường ở đầu đoạn. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách quy nạp thì câu chủ đề nằm ở cuối đoạn. Còn đoạn văn trình bày theo cách móc xích hay sng hành thì câu chủ đề là câu có tính chất khái quát nhất, khái quát toàn đoạn. Câu đó có thể nằm bất cứ vị trí nào trong đoạn văn.   1. **Xác định nội dung chính của văn bản**   - Muốn xác định được nội dung của văn bản, học sinh căn cứ vào tiêu đề của văn bản. Căn cứ vào những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản.  - Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là học sinh phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành… Xác đinh được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó.  **9. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản**  - Phần này trong đề thi thường hỏi anh/chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Sau khi chỉ ra được có thể lý giải phân tích vì sao lại như vậy.  - Học sinh đọc kĩ đề, khi lý giải phải bám sát vào văn bản. Phần này phụ thuộc nhiều vào khả năng cảm thụ thơ văn của học sinh.  **10. Dựa vào văn bản, trích dẫn của câu hỏi, bày tỏ quan điểm cá nhân và lý giải**  - Trong phần Đọc hiểu, câu hỏi này thường cuối cùng, có tính chất liên hệ mở rộng, bày tỏ quan điểm cá nhân.  - Đây là câu hỏi vận dụng, nên học sinh cần dựa vào văn bản đã cho, bằng sự trải nghiệm của bản thân để thể hiện suy nghĩ cá nhân và lý giải theo cách riêng nhưng không được đi ngược lại với bản chất và quy luật của cuộc sống. |

**PHẦN HAI: LÀM VĂN**

**I. VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

-Dung lượng: Khoảng 150 chữ.

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: Trình bày đoạn văn theo kiểu diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.

- Triển khai vấn đề nghị luận:

+ Về tư tưởng, đạo lí: Giới thiệu, nhận xét*,* phân tích, chỉ ra các biểu hiện (với cá nhân, xã hội), liên hệ thực tế, liên hệ bản thân rút ra bài học.

+ Về hiện tượng đời sống: Giới thiệu, nhận xét*,* phân tích thực trạng, nguyên nhân, giải pháp khắc phục, liên hệ bản thân rút ra bài học.

- Đảm bảo chuẩn ngữ pháp, chính tả tiếng Việt.

- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

**II. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**1. Kĩ năng làm văn**

- Nghi luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt

- Vận dụng kết hợp các thao tác lập luận.

**2. Kiến thức**

- Khái quát văn học Việt Nam từ đầu TK XX - 1945: Hoàn cảnh lịch sử, quá trình phát triển và đặc điểm văn học.

- Nắm vững các tác phẩm:

**HAI ĐỨA TRẺ**

**- THẠCH LAM**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

Thạch Lam (1910-1942) tên thật là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi là Nguyễn Tường Lân). Nhà văn, nổi tiếng về truyện ngắn. Viết xúc động về người nghèo, những em bé nhà nghèo. Văn nhẹ nhàng, tinh tế với tấm lòng xót thương, nhân hậu. Chất thơ man mác trong văn xuôi.

Tác phẩm - Các tập truyện ngắn: Gió đầu mùa (1977), Nắng trong vườn (1938), Sợi tóc (1942), Tập tuỳ bút Hà Nội 36 phố phường…

**2. Xuất xứ, chủ đề**

-       Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” rút trong tập “Nắng trong vườn” (1938)

-       Tác phẩm nói lên lòng xót thương đối với những kỷ niệm và ước mơ bình dị, cảm động của những em bé nơi phố huyện nghèo ngày xưa.

**II. Phân tích**

1. **Phố huyện nghèo và những người nghèo**

- Phố huyện là một thị trấn nhỏ và nghèo. Xung quanh là cánh đồng và xóm làng. Gần bờ sông. Có đường sắt chạy qua, có một ga tàu.

+ Phố huyện lúc chiều về

+ Phố huyện khi đêm xuống

+ Phố huyện về khuya

- Những con người nghèo nơi phố huyện

+ Chỉ có vài đứa bé lang thang đi lại nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre… bóng chập chờn.

+ Chị Tí mò cua bắt tép, tối đến dọn hàng nước dưới gốc bàng; dọn hàng từ chập tối cho đến đêm “chả kiếm được bao nhiêu?”. Thằng cu bé con chị Tí - xách điếu đóm và khiêng 2 cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra trông thật tội nghiệp.

+ Bà cụ Thi hơi điên, cười khanh khách, ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch cút rượu, lảo đảo lần vào bóng tối.

+ Vợ chồng bác xẩm “tiếng đàn bầu bần bật”, thằng con bò ra đất…

+ Bác phở Siêu gánh hành đi trong đêm, tiếng đòn gánh kĩu kịt, bóng bác mênh mang,… Phở của bác là món quà xa xỉ mà chị em Liên không bao giờ mua được.

+ Phố tối, đường ra sông tối, cái ngõ vào làng lại sẫm đen hơn. Một vài ngọn đèn leo lét… Ngọn đèn con của chị Tí, bếp lửa của bác Siêu chiếu sáng một vùng đất cát, ngọn đèn của Liên từng hột sáng lọt qua phên nứa…

Tóm lại, phố nghèo, yên tĩnh và đầy bóng tối. Con người phố huyện âm thầm, lạnh lẽo. “Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ? Cách viết nhẹ nhàng, đầy xót thương, thấm một nỗi buồn thấm thía. Đó là tình cảm nhân đạo của Thạch Lam.

**2. Chị em Liên**

- Gia cảnh sa sút nghèo. Cha mất việc.Cả nhà bỏ Hà Nội về quê.Mẹ làng hàng sáo.Chị em Liên được mẹ cho trông coi một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, phên nứa dán giấy nhật trình.

- An ngây thơ. Liên cảm thấy cô đã lớn, đảm đang, kiêu hãnh vì cái dây xà tích bạc ở thắt lưng “vì nó tỏ ra chỉ là người con gái lớn và đảm đang”.

 - Gian hàng tối âm thầm, đầy muỗi. Đêm nào hai chị em Liên và An cũng ngồi dưới gốc bàng, trên cái chõng tre để đợi chuyến tàu đêm. Để bán hàng theo lời mẹ dặn. Còn là một niềm vui nhỏ nhoi.

- An trước lúc ngủ còn dặn chị đánh thức khi tàu đến. Đợi tàu là đợi ánh sáng. Con tàu từ Hà Nội về mang theo. Con tàu gợi nhớ kỷ niệm tuổi thơ: ngày bố còn đi làm, mẹ nhiều tiền được hưởng những thức quà ngon lạ, được đi chơi bờ hồ, uống những cốc nước lạnh xanh đỏ.

- Đợi tàu là đợi những mơ tưởng. Với Liên, trong ký ức và hiện tại “Hà Nội xa xăm. Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua”. Thế giới ấy khác hẳn đối với cuộc đời của Liên, của dân nghèo phố huyện, khắc hẳn vầng sáng ngọn đèn chị Tí và ánh lửa của bác Siêu.

- Giấc ngủ của Liên, lúc đầu mờ dần đi “giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết…” về sau “mặt chị nặng dần”, chìm dần vào “ngập vào giấc ngủ yên tĩnh,… tĩnh mịch và đầy bóng tối”.

Tóm lại, ngòi bút của Thạch Lam tả ít mà gợi nhiều, nhỏ nhẹ, làm xúc động người đọc trước những số phận, những cảnh đời vui ít buồn nhiều, âm thầm, lặng lẽ và đầy bóng tối. Có mơ ước nhỏ nhoi, bình dị trước một cái gì vừa thuộc về quá vãng, vừa hướng tới tương lai.

**III. Kết luận**

Truyện “Hai đứa trẻ” vừa hiện thực vừa mang màu sắc lãng mạn. Cảnh đợi tàu thật xúc động. Một ngồi bút tinh tế tạo ra những trang văn xuôi nhẹ nhàng đầy chất thơ. Một trái tim đầy tình người. Văn Thạch Lam cho ta nhiều nhã thú, như nhà văn Nguyễn Tuân đã nói.

**CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ**

**- NGUYỄN TUÂN**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

-       Nguyễn Tuân: 1910 - 1987 - Người Hà Nội.

-       Sinh ra trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn.

-       Ông là một nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp.

-       Là người có nhiều đóng góp cho thể loại tùy bút, bút kí.

-       Là người làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc.

**2. Truyện ngắn: Chữ người tử tù**

Lúc đầu có tên là: Dòng chữ cuối cùng, in 1938 trên tạp chí Tao đàn, sau đó đổi tên thành: Chữ người tử tù và được in trong tập truyện: Vang bóng một thời. Là ‘‘một văn phẩm đạt tới sự toàn thiện, toàn mĩ’’ (Vũ Ngọc Phan)

**II. Phân tích**

**1. Giá trị nội dung**

**a. Tình huống truyện**

- Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường:

 + Viên quản ngục - kẻ đại diện cho quyền lực tăm tối nhưng lại khao khát ánh sáng và chữ nghĩa.

 + Huấn Cao - người tử tù có tài viết chữ đẹp, chống lại triều đình phong kiến.

→ Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữa cái đẹp cái thiên lương>< quyền lực tội ác → cái đẹp, cái thiên lương đã thắng thế.

**b. Nhân vật quản ngục**

- Người có sở thích sở nguyện cao quý, tâm hồn nghệ sĩ: khao khát có chữ Huấn Cao…

- Biết trân trọng những người tài giỏi: biệt đãi tử tù…

- Thiên lương trong sáng, trân trọng và đề cao giá trị văn hóa: “thanh âm trong trẻo”, trân trọng từng con chữ, nhận ra mình chọn nhầm nghề, nước mắt ân hận…

**c. Nhân vật Huấn Cao**

- Người nghệ sĩ tài hoa: tài viết chữ đẹp, …

- Khí phách hiên ngang: Coi thường cái chết, mặc dù đang chờ ngày ra pháp trường nhưng vẫn nguyên vẹn tư thế ung dung, đàng hoàng, không biết cúi đầu trước quyền lực và đồng tiền. Ta nhất sinh không vì tiền bạc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối ...đời ta mới viết... cho ba người bạn thân.

- Thiên lương trong sáng: Nhân cách trong sáng, trọng nghĩa khinh lợi, có tài có tâm, coi khinh tiền bạc và quyền thế. Huấn Cao không chỉ là một nghệ sỹ tài hoa, mà còn là hiện thân của cái tâm kẻ sỹ. Có tấm lòng biệt nhỡn liên tài, một thiên lương cao cả.

→ Hình tượng Huấn Cao trọn vẹn và hoàn hảo bởi một cảm hứng lãng mạn, một bút pháp lý tưởng hoá của Nguyễn Tuân, một cốt cách: Nhất sinh đê thủ bái hoa mai. Huấn Cao là nhân vật thể hiện quan niệm cái Đẹp của nhà văn trước 1945. Huấn Cao còn là nhân vật thể hiện thái độ bất mãn của nhà văn trước thực tại.

**\* Cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục**

- Tình huống oái oăm, cuộc kỳ ngộ đầy kịch tính giữa tên người viết chữ đẹp và người chơi chữ. Họ gặp nhau trong hoàn cảnh trớ trêu: Nhà ngục.

- Xét trên bình diện xã hội: Họ là kẻ thù của nhau. Xét trên bình diện nghệ thuật: Họ là tri âm tri kỷ.

- Lúc nửa đêm, trong nhà tù, vài canh giờ cuối cùng trước lúc ra pháp trường.

- Trong không gian chật hẹp, ẩm ướt, tối tăm, bẩn thỉu, khói bốc nghi ngút, dưới ánh sáng của ngọn đuốc tẩm dầu là hình ảnh 3 cái đầu chụm lại. Một người tù cổ mang gông chân vướng xiềng đang tô đậm những nét chữ trên vuông lụa trắng tinh, cạnh viên quản ngục khúm núm, thầy thơ lại run run.

- Đó là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có:

+   Bởi việc cho chữ diễn ra trong nhà ngục bẩn thỉu, tối tăm, chật hẹp.

+   Bởi người nghệ sỹ sáng tạo trong lúc cổ mang gông, chân vướng xiềng...

+  Bởi người tử tù lại ở trong tư thế bề trên, uy nghi, lồng lộng. Còn kẻ quyền uy lại khúm núm run run, kính cẩn, vái lạy.

=> Tác giả dựng lên thật đẹp nhóm tượng đài thiên lương với bút pháp tài năng bậc thầy về ngôn ngữ.

=> Trong chốn ngục tù ấy cái đẹp, cái thiện, cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng. Đây là việc làm của kẻ tri âm dành cho người tri kỷ, của một tấm lòng đền đáp một tấm lòng. Cái tâm đang điều khiển cái tài, cái tâm cái tài đang hoà vào nhau để sáng tạo cái đẹp.

**2. Nghệ thuật**

-       Tạo tình huống truyện độc đáo, đặc sắc

-       Sử dụng thành công thủ pháp đối lập tương phản.

-       Xây dựng thành công nhân vật Huấn Cao – người hội tụ nhiều vẻ đẹp.

-       Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại.

**3. Ý nghĩa văn bản**

"Chữ người tử tù" khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng đối với cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.

**CHÍ PHÈO**

**Nam Cao**

**\* Ôn tập phần tác giả Nam Cao**

**I. Tìm hiểu chung:**

- Đầu tiên tác phẩm được đặt tên là ***Cái lò gạch cũ*** (1941) → sự quẩn quanh bế tắc.

-  Lúc in nhà xuất bản tự ý đổi tên là ***Đôi lứa xứng đôi*** → khơi gợi trí tò mò, đánh vào tâm lí độc giả.

- Sau cách mạng tác phẩm được tái bản và được đổi tên một lần nữa ***Chí Phèo*** (1946) → Hình tượng nhân vật Chí Phèo trung tâm tác phẩm điển hình cho số phận và bi kịch của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

**II. Đọc- hiểu**

**1. Nội dung**

**1.1. Làng Vũ Đại - hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạnh tháng Tám.**

- Toàn bộ truyện Chí Phèo diễn ra ở làng Vũ Đại. Đây chính là không gian nghệ thuật của truyện.

- Làng này dân “không quá hai nghìn người, xa phủ, xa tỉnh” nằm trong thế “quần ngư tranh thực”

- Có tôn ti trật tự nghiêm ngặt

- Mâu thuẫn giai cấp gây gắt, âm thầm mà quyết liệt, không khí tối tăm , ngột ngạt.

- Đời sống của người nông dân vô cùng khổ cực bị đẩy vào đường cùng không lối thoát, bị tha hóa.

**1.2. Nhân vật Bá Kiến**

- Bốn đời làm tổng lí “ Uy thế nghiêng trời”

- Giọng nói, cái cười mang tính điển hình cao: tiếng quát “rất sang”, “cái cười Tào Tháo”

- Thao túng mọi người bằng cách đối nhân xử thế và thủ đoạn mềm nắn rắn buông.

- Khôn róc đời, biết dìm người ta xuống sông, nhưng rồi lại biết dắt người ta lên để phải đền ơn. Biết đập bàn đòi lại 5 đồng nhưng rồi cũng biết trả lại 5 hào vì thương anh túng quá.

- Bá dựng lên quanh mình một thế lực vững chãi để cai trị và bóc lột, giẫm lên vai người khác một cách thật tinh vi.

- Bá có đủ thói xấu xa: Háo sắc, ghen tuông, sợ vợ, hám quyền lực. Lão làm tha hoá và làm tan nát bao nhiêu cuộc đời con người lương thiện.

=> Bá Kiến tiêu biểu cho giai cấp thống trị: có quyền lực, gian hùng, nham hiểm.

**1.3. Hình tượng nhân vật Chí Phèo**

      a. Trước khi ở tù

- Hoàn cảnh xuất thân: không cha, không mẹ, không nhà, không cửa, không một tấc đất cắm dúi cũng không có, đi ở hết nhà này đến nhà khác. Cày thuê cuốc mướn để kiếm sống.

- Từng mơ ước: có một ngôi nhà nho nhỏ, chồn cày thuê cuốc mướn…→ Chí Phèo là một người lương thiện.

- Năm 20 tuổi: đi ở cho nhà cụ Bá Kiến. Bị bà ba Bá Kiến gọi lên đấm lưng, bóp chân…Chí cảm thấy nhục chứ yêu đương gì→ biết phân biệt tình yêu chân chính và thói dâm dục xấu xa. Là người có ý thức về nhân phẩm.

=> Chí Phèo có đủ điều kiện để sống cuộc sống yên bình như bao người khác.

  b Sau khi ở tù

- Nguyên nhân: vì Bá Kiến ghen với vợ hắn.

- Chế độ nhà tù thực dân đã biến Chí trở thành lưu manh, có tính cách méo mó và quái dị. Chí trở thành con quỉ dữ của làng Vũ Đại.

- Hậu quả của những ngày ở tù:

 + Hình dạng: biến đổi thành con quỷ dữ “Cái đầu trọc lốc, hàm răng cạo trắng hớn, cái mặt thì câng câng đầy những vết sứt sẹo, hai con mắt gườm gườm..”

→ Chí Phèo đã đánh mất nhân hình.

 + Nhân tính: du côn, du đãng, triền miên trong cơn say, đập đầu, chửi bới, phá phách và làm công cụ cho Bá Kiến.

→ Chí Phèo đã đánh mất nhân tính.

=> Chí đã bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính. Bị biến chất từ một người lương thiện thành con quỉ dữ. Chí điển hình cho hình ảnh người nông dân lao động bị đè nén đến cùng cực, và cũng là một nhân chứng tố cáo chế độ thực dân phong kiến đã cướp đi quyền làm người của Chí.

 c. Cuộc gặp gỡ giữa Chí Phèo và Thị Nở:

- Tình yêu thương mộc mạc, chân thành của Thị Nở- người đàn bà xấu như ma chê quỷ hờn, lại dở hơi ấy đã đánh thức bản chất lương thiện của Chí Phèo.

- Chí Phèo đã thức tỉnh.

 + Về nhận thức: Nhận biết được mọi âm thanh trong cuộc sống.

 + Nhận ra bi kịch trong cuộc đời của mình và sợ cô đơn, cô độc đối với Chí Phèo “cô độc còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau”.

 + Về ý thức: Chí Phèo thèm lương thiện và muốn làm hòa với mọi người.

- Hình ảnh bát cháo hành là hình ảnh độc đáo, chân thật và giàu ý nghĩa:

 + Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Chí được ăn trong tình yêu thương và hạnh phúc.

=> Chí Phèo đã hoàn toàn thức tỉnh, Chí đang đứng trước tình huống có lối thoát là con đường trở về với cuộc sống của một con người. Cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo của nhà văn.

d. Bi kịch bị cự tuyệt:

- Nguyên nhân: do bà cô Thị Nở không cho Thị lấy Chí Phèo → định kiến của xã hội.

- Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo:

 + Lúc đầu: Chí ngạc nhiên trước thái độ của Thị Nở

 + Sau Chí hiểu ra mọi việc: ngẩn người, nắm lấy tay Thị Nở, bị bị xô ngã, Chí thấy hơi cháo hành nhưng lại tuyệt vọng, Chí uống rượu và khóc “rưng rức”, xách dao đến nhà Bá Kiến đâm chết Bá Kiến và tự sát.

- Ý nghĩa hành động đâm chết Bá Kiến và tự sát của Chí:

 + Đâm chết Bá Kiến là hành động lấy máu rửa thù của người nông dân thức tỉnh về quyền sống.

 + Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người.

**2. Nghệ thuật:**

- Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.

- Ngôn ngữ giản dị, diễn đạt độc đáo.

- Kết cấu truyện mới mẻ: kết cấu đầu cuối tương ứng, kết cấu xáo trộn thời gian tuyến tính.

- Nghệ thuật trần thuật linh hoạt.

**3. Ý nghĩa văn bản:**

“Chí Phèo” tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân phong kiến tàn bạo đã cướp đi nhân hình lẫn nhân tính của người nông dân lương thiện. Đồng thời nhà văn thể hiện niềm xót thương, trân trọng và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi họ đã biến thành quỷ dữ.